

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 - 2020
V/v Ly hôn

N DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm N dân: Ông Dương Thanh Quan

Bà Phạm Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Ngọc Trâm – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 85, N, phường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Le Thanh N (Lê Thành N), sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 35 Kylie Parade, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn bà Ngô Thị H trình bày:

Bà và ông Le Thanh N quen biết và tự nguyện đi đến hôn N, đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/6/2015. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Sau đó, ông N trở về Úc để sắp xếp đón bà sang Úc định cư. Nhưng khi ông N trở lại Việt Nam thì ông bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông N dùng lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực đối với bà, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn N giữa bà và ông Le Thanh N (Lê Thành N) không thể duy trì chung sống với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Le Thanh N (Lê Thành N).

Về con chung; tài sản chung; nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Le Thanh N** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngô Thị H theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án. Đồng thời Tòa án không nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp về việc ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông Le Thanh N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị H có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Le Thanh N (Lê Thành N) vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Ngô Thị H và ông Le Thanh N.

[2]. Về nội dung: Quan hệ hôn N giữa bà Ngô Thị H và ông Le Thanh N là hôn N hợp pháp, thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên N ly hôn bà Ngô Thị H cho rằng sau khi kết hôn do bất đồng về quan điểm sống, ông N có lời lẽ xúc phạm và có hành vi thô bạo với bà nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến ly thân và hiện tại ông bà đã không còn liên lạc với nhau. Đối với ông Le Thanh N Tòa án đã thực hiện ủy thác tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Xét thấy quan hệ hôn N giữa bà Ngô Thị H và ông Le Thanh N hai bên đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện tại bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Le Thanh N. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của bà H và ông N không thể kéo dài, mục đích hôn N của ông bà không đạt được. Do đó qua thảo

luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát N dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị H đối với ông Le Thanh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

[4]. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

- Phí ủy thác tư pháp: Bà Ngô Thị H phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà H đã nộp theo biên lai thu số 0036911 ngày 16/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chi phí thực tế: Bà Ngô Thị H phải chịu chi phí thực tế 3.000.000 đồng, bà H đã nộp theo biên lai thu số 02844 ngày 16/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H về việc xin ly hôn đối với bị đơn ông Le Thanh N.

1. Về quan hệ hôn N: Bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Le Thanh N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị H xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0007135 ngày 07/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp:

- Phí ủy thác tư pháp: Bà Ngô Thị H phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà H đã nộp theo biên lai thu số 0036911 ngày 16/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chi phí thực tế: Bà Ngô Thị H phải chịu chi phí thực tế 3.000.000 đồng, bà H đã nộp theo biên lai thu số 02844 ngày 16/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông Le Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường